

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2024
V/v: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tân và bà Hoàng Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (Có mặt).

Trú tại: Thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1966 (Có mặt).

Trú tại: Thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Bá P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20/11/1990, có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm dần đi xuống sau khi bà phát hiện ông P có quan hệ ngoài luồng với một người phụ nữ khác, cho nên hai người đã sống không có tình cảm gì với nhau. Bà đã tha thứ nhiều lần vì nghĩ đến con cái, nhưng ông P vẫn không thay đổi, cuộc sống không có tiếng nói chung. Ông bà đã ly thân gần

15 năm nay.

Nay bà thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị đề Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Bá P là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông P có với nhau 02 con chung là Nguyễn Bá K, sinh ngày 09/3/1990 và Nguyễn Bá K1, sinh ngày 22/7/1992. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do các con tự quyết định. Bà và ông P không ai có con riêng.

- Về tài sản chung, riêng và nợ: Bà và ông P tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bá P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 20/11/1990, có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, ông bà sống với nhau bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà đều thay đổi về cách sống, mâu thuẫn kinh tế trong gia đình, hai bên không có tiếng nói chung không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã làm cho tình cảm của ông bà ngày càng phai nhạt. Ông bà đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông không phải là vợ chồng thì ông cũng nhất trí.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Bá K, sinh ngày 09/3/1990 và Nguyễn Bá K1, sinh ngày 22/7/1992. Hiện nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai do các con tự quyết định. Ông và bà T không ai có con riêng.

- Về tài sản chung, riêng và nợ: Ông bà tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

- Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá P là vợ chồng

- Về con chung: Đối với 02 con chung là Nguyễn Bá K, sinh ngày 09/3/1990 và Nguyễn Bá K1, sinh ngày 22/7/1992 đã thành niên, không bị bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống được bản thân, bà T và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P tự thoả thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Bà T có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá P cùng cư trú tại Thôn E, xã Q, thị xã H, Nghệ An. Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng đối với ông P. Do bà T và ông P không có đăng ký kết hôn nên đây là yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Bà T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai đã thụ lý đơn và thông báo cho bà T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 20/11/1990 nhưng bà T và ông P không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên bà T đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông P là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của

Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa bà T và ông P không phải là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Đối với 02 con chung là Nguyễn Bá K, sinh ngày 09/3/1990 và Nguyễn Bá K1, sinh ngày 22/7/1992 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không bị bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống được bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P tự thoả thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Bá P.

- Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Bá K, sinh ngày 09/3/1990 và Nguyễn Bá K1, sinh ngày 22/7/1992 đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không bị bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống được bản thân ở với ai do các con tự quyết định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008594 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn bà T, bị đơn ông P có quyền làm đơn kháng cáo lên cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS t.x Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An (PKTNV & THA);
- UBND xã Quỳnh Vinh;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy